

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **88/2020/HS-PT**

Ngày 17 – 3 – 2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương, ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/TLPT-HS ngày 11/02/2020 đối với bị cáo Lê Thị T về tội “Cố ý gây thương tích”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T (Tên gọi khác: B)**; sinh ngày 12/4/1997, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê U, sinh năm 1958 và bà Trần Thị H, sinh năm 1954; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án sơ thẩm số 40/2015/HS-ST ngày 13/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 28/4/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị hại: Anh Trần Đình Đ, sinh năm 1996; trú tại: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/6/2019, Nguyễn Xuân D điều khiển xe mô tô chở Trần Đình Đ, còn Hồ Sỹ Phương D1 điều khiển xe đi một mình cùng nhau đi từ thôn B, xã E, huyện C về thôn H, xã E, huyện C để về nhà D. Trên đường đi gặp Lê Thị T điều khiển xe mô tô chở Trần Diệu L đi ngược chiều với xe của D và D1. Do giữa T và L đang xảy ra mâu thuẫn nên vừa đi T và L vừa chửi nhau qua lại. Khi đi ngang qua thì xe của D và xe của T gần va quệt nhau, T vừa điều khiển xe vừa quay đầu lại chửi với những lời lẽ thô tục. Nghĩ là T chửi mình nên D, Đ và D1 quay xe lại đuổi theo T, mục đích để hỏi xem lý do vì sao lại chửi như vậy. Khi đi đến cổng nhà T thì T dừng xe lại. Đ lại hỏi T *“Sao chạy xe ẩu mà còn chửi vậy?”*, T trả lời: *“Đụ mẹ làm gì căng vậy?”*. T vừa nói xong thì Đ dùng tay, chân đánh vào người T 04 - 05 cái. Bị đánh, T ngã xuống nương nước trước cổng, Đ tiếp tục dùng tay đánh T. Thấy vậy, D và D1 đi lại can ngăn Đ. Nghe tiếng ồn ào nên mẹ T là bà Trần Thị H chạy ra can ngăn không cho Đ đánh T nữa. Lúc này, T đứng dậy chạy vào nhà lấy hai con dao, một con dao cầm trên tay phải (Dao dài 28cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12cm, trên cán dao có in dòng chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm, bản rộng nhất 05cm, một cạnh được mài sắc, mũi dao nhọn) và một con dao cầm trên tay trái (Dao dài 30cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 11cm, trên cán dao có in dòng chữ “ĐA S”, và chữ “HC”, bản rộng nhất 05cm, trên sống lưỡi giao phần mũi có lỗ khoét tròn và đường kính 0,8 cm) chạy ra để đánh lại. Khi T chạy ra đến sân nhà thì chị ruột của T là chị Lê Thị T1 ôm T lại để can ngăn và giằng lấy được một con dao mà T đang cầm trên tay trái (dao dài 30cm). Chị T1 nói *“Thôi vào nhà đi, đừng đánh nhau nữa”*. T nói *“Chị thả em ra, có mấy thằng đánh em”*. Nói xong, T vùng mạnh nên chị T1 không giữ được T nữa, T cầm con dao còn lại trên tay phải chạy về phía D và D1 để đánh. Thấy vậy, D và D1 bỏ chạy, T không đuổi theo mà chạy lại vị trí Đ đang đứng để đánh. Thấy vậy, Đ cũng bỏ chạy, T đuổi theo khoảng 5m thì quay lại trước cổng nhà. T cầm dao chỉ về phía D và D1 nói *“Bọn mày ngon vào đây, tao chém”*. D nói với T *“Mày cầm dao ra hù bọn tao à? Mày gọi cả họ nhà mày ra đây tao cũng không sợ”*. T tiếp tục thách thức *“Mày ngon thì vào đây”*. Nghĩ là T chỉ cầm dao ra để hù dọa chứ không dám chém, nên D chạy lại để đánh T, khi D đến cách T khoảng 1,5m thì T cầm dao lao đến và chém về phía D một nhát, D dùng tay phải chụp lấy con dao của T nhưng không được và bị T chém trúng vào ngón tay trỏ của bàn tay phải một nhát. Tiếp đó, T dùng dao chém hai nhát trúng vào hông bên trái của D. Bị đánh D lùi lại, thấy D bị đánh nên D1 cầm một cây gậy (gậy bằng gỗ dài 1,13m, đầu lớn nhất có đường kính 4cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 2,5cm) chạy lại đánh vào đầu T một cái. Bị đánh T ôm đầu, cùng lúc này Đ cũng chạy lại để đánh T thì bị T dùng dao chém ngang trúng má bên trái của Đ một nhát. T tiếp tục dùng dao chém từ trên xuống phía người Đ, Đ đưa tay trái lên đỡ thì trúng vào ngón cái bàn tay trái của Đ một nhát. Bị đánh Đ chạy ra ngoài đường và gọi D1 chở đến Bệnh viện đa khoa vùng để điều trị. T được người nhà đưa vào nhà, còn D đứng ngoài chửi bới

và dùng gạch đá ném vào nhà T nhưng không trúng ai, cũng không làm hư hỏng tài sản gì, khoảng 05 phút sau thì D đi về.

Ngày 12/6/2019, anh Trần Đình Đ có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với T. Ngày 12/8/2019 anh Nguyễn Xuân D có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với T.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số: 786/TgT-TTPY ngày 29/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Trần Đình Đ bị sẹo chéo má cằm trái kích thước 10cm x 0,5cm, ảnh hưởng thẩm mỹ 12%; sẹo hình cung ngón I tay trái, kích thước 2,5cm x 0,3cm, tỷ lệ 01%. Tổng tỷ lệ thương tổn cơ thể là 13%. Vật tác động và cơ chế hình thành vết thương: Tổn thương do vật sắc trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, từ trước ra sau.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số: 921/TgT-TTPY ngày 31/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Nguyễn Xuân D bị sẹo lồi đường nách sau trái kích thước 3cm x 0,5cm; sẹo lồi dưới sườn trái kích thước 4cm x 0,3cm; sẹo chéo mặt lòng đốt gần ngón II tay phải kích thước 2,5cm x 0,2cm, đau quanh sẹo. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 7%. Vật tác động và cơ chế hình thành vết thương: Sẹo lồi đường nách sau trái là do tác động trực tiếp của vật sắc hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải; sẹo lồi dưới sườn trái là do tác động trực tiếp của vật sắc hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải; sẹo chéo mặt lòng đốt gần ngón II tay phải là do tác động trực tiếp của vật sắc hướng từ trước ra sau.

Vật chứng thu giữ:

- 01 con dao dài 28cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12cm, trên cán dao có in dòng chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm, bản rộng nhất 5cm, một cạnh được mài sắc, mũi dao nhọn.

- 01 con dao dài 30cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 11cm, trên cán dao có in dòng chữ “ĐA SỸ”, “HC”, lưỡi dao bằng kim loại dài 19cm, bản rộng nhất 5cm, một cạnh được mài sắc, mũi dao ngang.

- 01 cây gậy bằng gỗ dài 1,13m, đầu lớn nhất có đường kính 4cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 2,5cm.

Ngày 07/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại hai con dao và 01 cây gậy gỗ cho chủ sở hữu là bà Trần Thị H.

Anh Trần Đình Đ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền do sức khỏe bị xâm phạm là 30.000.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường khoản nào cho anh Đ.

Anh Nguyễn Xuân D yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong nên anh D không yêu cầu bồi thường gì thêm và đã làm đơn rút yêu cầu khởi tố hình sự. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với bị cáo và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích cho anh D.

Đối với hành vi của Trần Đình Đ, Nguyễn Xuân D và Hồ Sỹ Phương D1 đánh bị cáo T gây thương tích nhẹ, bị cáo T đã làm đơn bãi nại và rút yêu cầu khởi tố đối với Trần Đình Đ, Nguyễn Xuân D và Hồ Sỹ Phương D1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584; 585; 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Thị T phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Trần Đình Đ với tổng số tiền 18.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 31/12/2019, bị cáo Lê Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xin giảm mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra đối với hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Mức hình phạt 01 năm 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, bởi lẽ: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo đã tự nguyện nộp thêm 3.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường cho người bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo phải bồi thường 18.500.000 đồng, trong đó tuyên mức bồi thường tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng là chưa phù hợp, đề nghị chỉ tính bằng 05 tháng lương tối thiểu (05x1.490.000 đồng = 7.450.000 đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355 và điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt và phần bồi thường thiệt hại cho bị cáo Lê Thị T.

Tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Thị T cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo xuất phát từ việc bị hại đã đánh bị cáo trước, làm cho bị cáo bức xúc nên mới dùng dao chém lại bị hại. Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Về phần trách nhiệm dân sự, mức bồi thường 18.500.000 đồng là quá cao so với hoàn cảnh gia đình khó khăn của bị cáo, đề nghị HĐXX giảm mức bồi thường cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không tranh luận, bào chữa gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo và giảm mức bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị hại và những người tham gia tố tụng khác tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/6/2019, tại khu vực trước công nhà bị cáo Lê Thị T tại thôn B, xã E, huyện C, do xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ khi tham gia giao thông, bị cáo Lê Thị T đã dùng dao chém nhiều nhát vào người anh Trần Đình Đ và anh Nguyễn Xuân D, hậu quả gây thương tích 13% cho anh Đ và thương tích 07% cho anh D. Tuy nhiên, anh D có đơn xin rút yêu cầu khởi tố bị cáo T sau khi bị cáo đã bồi thường cho anh D 5.000.000 đồng. Do đó, bị cáo chỉ bị xét xử về hành vi cố ý gây thương tích cho anh Trần Đình Đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị T về tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 01 năm 09 tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Bị cáo có nhân thân xấu, tại Bản án số 40/2015/HS-ST ngày 13/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tại bản án này bị cáo phạm tội khi đang ở độ tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được xác định không có án tích (Theo quy định có lợi cho bị cáo tại khoản 3 Điều 7 và Điều 107 Bộ luật hình sự), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi

trái pháp luật của bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại Đ 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có công với cách mạng, có ông nội là Liệt sỹ và có bố từng tham gia phục vụ trong quân đội. Đồng thời bản án sơ thẩm còn áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp thêm 3.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm mức bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức bồi thường 18.500.000 đồng mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là đã xem xét đầy đủ, hợp lý các khoản bị cáo phải bồi thường, phù hợp với các quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin giảm mức bồi thường là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin (Do khi bị cáo đến nhà đưa 5.000.000 đồng cho bị hại nhưng bị hại không nhận), nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 18.500.000 đồng mà không tuyên khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/15170 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là thiếu sót, cần sửa nội dung này về phần trách nhiệm dân sự.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm mức bồi thường thiệt hại của bị cáo Lê Thị T (B).

Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị T (B) – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt; sửa một phần bản án về phần trách nhiệm dân sự.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T (B) 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584; 585; 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Thị T phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Trần Đình Đ với tổng số tiền 18.500.000 đồng, được khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng bị cáo Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/15170 ngày 11/12/2019 và số AA/2013/15172 ngày 17/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo Lê Thị T còn phải bồi thường tiếp số tiền 10.500.000 đồng cho anh Trần Đình Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Duy Tuấn

